

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 415/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2021.
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1440/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 151/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1997 (Có mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Số 129F/123/156C, đường Đ, phường 10, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số 29, đường A, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Anh P, sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Số 43/7B, đường số 112, Tổ 6, ấp 3A, xã Đ1, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Trần Anh P tự nguyện đăng ký kết hôn tại

UBND xã Đ1, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh vào ngày 22/01/2019. Trong thời gian chung sống do tính cách, cách sống và suy nghĩ không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ngoài ra chồng bà L còn có người phụ nữ khác bên ngoài, không còn quan tâm chăm lo đến vợ con. Về nhà ông P còn thường hay đánh đập bà L làm ảnh hưởng đến tinh thần của bà L. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện cả hai không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Anh P.

Về con chung có 01 con chung tên: Trần Anh N, sinh ngày 18/8/2019. Hiện tại con chung ông P đang trực tiếp nuôi dưỡng nên bà L tự nguyện giao con chung cho ông P, bà L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự: Bà L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà L tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

* Bị đơn ông Trần Anh P vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Trần Anh P là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”. Bị đơn trong vụ án là ông Trần Anh P hiện cư trú tại huyện Củ Chi, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với bị đơn ông Trần Anh P đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trần Anh P vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Anh P theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét về quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Trần Anh P có đăng ký kết hôn và được UBND xã Đ1, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 16 ngày 22/01/2019 đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà L nêu quá trình sống chung lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên gây gổ, cãi vã, ông P có người phụ nữ khác bên ngoài bỏ bê vợ con, ngoài ra ông P còn hay đánh đập bà L dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, bà L đã nhiều lần khuyên nhủ ông P để ông P thay đổi nhưng ông P vẫn không thay đổi. Bà L nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, bà L không còn tình cảm với ông P.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Anh P không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ gia đình với bà L. Trong quá trình thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần bằng cách tổng đạt cho ông Trần Anh P biết sự việc trên nhưng ông P vẫn không đến Tòa án, không có bất cứ tác động nào cho thấy ông P muốn hàn gắn quan hệ gia đình với bà L nên Hội đồng xét xử xét thấy bà L xin ly hôn với ông P là yêu cầu chính đáng. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông P.

[4] Về con chung có 01 con chung tên: Trần Anh N, sinh ngày 18/8/2019. Bà L tự nguyện giao con chung cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị Thùy L tự nguyện giao con chung cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời ông P đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Nguyễn ôn định. Để ổn định tâm sinh lý của trẻ Nguyễn được phát triển, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà L giao con chung cho ông P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nghĩ nên giao trẻ Nguyễn cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng là đúng, tạm ngừng cấp dưỡng nuôi con đối với bà L cho đến khi ông P có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Bà L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà L tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy L là được ly hôn với ông Trần Anh P.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 16 ngày 22/01/2019 của UBND xã Đ1, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Trần Anh P không còn giá trị pháp lý.

Về con chung có 01 con chung tên: Trần Anh N, sinh ngày: 18/8/2019.

Giao con chung tên Trần Anh N cho ông Trần Anh P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Tạm ngừng cấp dưỡng nuôi con đối với bà L cho đến khi ông P có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Bà L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Bà L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Thùy L phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2019/0085297 ngày 10/12/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS H.Củ Chi;
- UBND xã Đ1, huyện C, Tp Hồ Chí Minh.
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc